

LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO KINH CHÚ GIẢI

QUYỂN 1 (Phần 2)

1. Tổng kết khuyến khích:

“Lại nữa, này Đại Tuệ! Nếu Đại Bồ-tát muốn biết cảnh giới vọng tưởng tâm nhiếp thọ và cảnh nhiếp thọ của tự tâm hiện lượng, thì phải xa lìa những thói quen ngủ say. Đầu hôm, nửa đêm cho đến gần sáng, thường tự giác ngộ phương tiện tu hành, phải lìa lời nói của kinh luận ác kiến và tướng các thừa Thanh văn, Duyên giác, phải thông đạt tướng vọng tưởng do tự tâm hiện khởi”: Đoạn này nói sự chân thật vững chắc chẳng phải cảnh giới của ngoại đạo Tiểu thừa, nhưng mà tâm vốn đầy đủ pháp môn, nếu tu hành được thì điều tốt nào mà không thành, cho nên ở đây tổng kết khuyến khích. Hiện lượng trần cảnh đều không ngoài tự tâm, do mê bất giác nên vọng tưởng chấp chặt. Nói nhiếp thọ là năng thủ; và nhiếp thọ giả là sở thủ; muốn hiểu rõ luống dối mà hiển bày chân thật thì ở ngay chỗ đó mà xả tục, lìa các sự mê loạn, nửa đêm, đầu hôm cho đến lúc gần sáng phải giác ngộ, đó gọi là pháp môn tu hành phương tiện. Kinh luận ác kiến là gốc của ngoại đạo, Tiểu thừa. Không tướng là bệnh của Thanh văn Duyên giác, nếu giải thoát xa lìa được các điều ấy thì sẽ thông đạt được tướng vọng tưởng của tự tâm hiện, mà xây dựng cảnh giới chân thật.

2. Cảnh giới pháp thân là địa vị rốt ráo của Như lai:

“Lại nữa này Đại Tuệ! Bồ-tát dựng lập tướng trí tuệ được an trụ rồi, đối với ba tướng Thánh trí phải siêng tu học. Ba tướng Thánh trí, phải siêng tu học là gì? Đó là tướng vô sở hữu, tướng tất cả Chư Phật tự nguyện xứ, và tướng tự giác Thánh trí rốt ráo. Tu hành được như đây rồi, có thể lìa bỏ tướng tâm trí tuệ lừa què, được địa thứ tám của bậc Tối thắng tử, thì đối với ba tướng trên do tu hành mà sinh. Này Đại Tuệ! Tướng vô sở hữu nghĩa là tướng của Thanh văn Duyên giác và ngoại

đạo, do tu tập mà sinh. Nay Đại Tuệ! tướng Tự nguyện xứ là chỗ các Đức Phật quá khứ tự nguyện tu sinh. Nay Đại Tuệ! Tướng tự giác Thánh trí rất ráo là đối với tất cả pháp tướng không có chấp chặt, được thân như huyễn Tam-muội, chư Phật địa xứ tiến về tu hành mà sinh. Nay Đại Tuệ! Đây gọi là ba tướng Thánh trí. Nếu người thành tựu ba tướng Thánh trí này thì sẽ đạt đến cảnh giới tự giác Thánh trí rất ráo. Cho nên, nay Đại Tuệ! Ba tướng Thánh trí phải siêng tu học”.

Đoạn trên đây nói cảnh giới pháp thân là địa vị rất ráo của Như Lai, người tu hành muốn đạt đến địa vị này không có trí thì không tiến đến được. Cho nên dựng lập tướng trí tuệ, làm chỗ nương tựa cho người tu học. Nếu không tiến công thì do đâu mà thành tựu, cho nên có lời khuyên răn rằng: đối với ba tướng Thánh trí trên phải siêng tu học. Lại sợ Đại Tuệ chưa thông đạt ba tướng nên trích dẫn mà giải thích. Nhưng ba tướng này không phải hạnh tu hành của người Nhị thừa, cho nên dụ như lừa què. Tối thắng tử tức Bồ-tát địa thứ tám, không chung với người Nhị thừa cho nên nói năng xả. Vì kinh này là Đại thừa bao gồm cả Thông giáo. Nói do tu mà sinh là do tu hành mà phát sinh Thánh trí. Tướng vô sở hữu chẳng phải tướng của Nhị thừa, ngoại đạo. Tướng tự nguyện xứ là các Đức Phật từ xưa lập nguyện tu hành. Tướng Thánh trí rất ráo là tướng tự chứng trung đạo trí tướng, trung đạo lìa hai bên không hữu cho nên nói không có sự chấp chặt. Thân Tam-muội tức báo thân. Các địa xứ v.v... nghĩa là hóa thân khắp các cõi Phật, thị hiện tiến tu đến quả cho nên nói do tu hành mà sinh. Tổng kết khuyên những người cùng tu hành hãy biết.

3. Một trăm lẻ tám câu lấy phân biệt tự tánh làm chỗ nương:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ biết rõ tâm niệm của chúng Đại Bồ-tát suy nghĩ, gọi là Thánh trí sự phân biệt tự tánh kinh, nương năng lực oai thần của tất cả Phật mà bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin Ngài nói về Thánh trí sự phân biệt tự tánh kinh là chỗ nương của một trăm lẻ tám câu phân biệt”. Năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã đều là những việc của Thánh trí nói trong kinh này. Các Bồ-tát đã nghe nói tám thức rồi, lại muốn nghe pháp ba tự tánh, cho nên Nay Đại Tuệ! Vì chúng lại thỉnh; chỉ nói tự tánh kinh ấy là nêu chung mà thâm nhiếp riêng. Nói một trăm lẻ tám câu là sở y của phân biệt, nghĩa là một trăm lẻ tám câu lấy phân biệt tự tánh làm chỗ nương.

4. Nói về nghĩa vọng chấp tự tánh khác nhau:

“Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác dựa vào sự phân biệt này mà nói Đại Bồ-tát nhập tự tướng, cộng tướng, tự tánh vọng tướng. Do

phân biệt mà nói tự tánh vọng tưởng thì nên khéo léo để biết, quán sát cùng khắp người pháp vô ngã, dứt sạch vọng tưởng, soi sáng các địa, vượt ngoài tất cả các thú vui thiền định của Thanh văn Duyên giác và ngoại đạo. Quán sát cảnh giới sở hành không thể suy nghĩ bàn luận của Như lai, quả quyết lia bỏ năm pháp tự tánh, khéo tự trang nghiêm bằng pháp thân trí tuệ của Như lai. Khởi cảnh giới huyển, đến tất cả cõi Phật, tầng trời Đâu-suất cho đến tầng trời Sắc Cứu Cánh, liền được pháp thân thường trụ của Như lai”. Như lai lo lắng các Bồ-tát đối với pháp sinh chấp tự tướng, cộng tướng nên nói cho họ nghe nghĩa vọng chấp tự tánh khác nhau, biết nghĩa rồi quán sát khắp thì lia chấp người, chấp pháp, chấp đã lia rồi liền vào các địa, do đó mà vượt qua thiền định của Tiểu thừa, phàm phu, được nhập vào cảnh giới không thể suy nghĩ, bàn luận của Như lai thì sự vọng chấp năm pháp, ba tự tánh kia không lia mà lia. Pháp thân trí tuệ trang nghiêm: quả tự tu hành viên mãn. Khởi cảnh giới huyển, là hiện cõi nước hóa độ chúng sinh, sanh đến tất cả cõi Phật, cõi trời, hễ có chúng sinh có thể thọ nhận sự hóa độ, thì không nơi nào là không thị hiện thọ sinh, thành Đẳng chánh giác. Đâu-suất-đà, Hán dịch Tri túc, nghĩa là đối với năm dục biết đủ.

5. Ngoại đạo chấp không ngoài hai thứ:

“Phật bảo Đại Tuệ: Có một thứ ngoại đạo khởi vọng tưởng chấp Vô sở hữu, cho rằng các pháp không có nhân, như thổ không có sừng; tất cả các pháp cũng giống như vậy. Nay Đại Tuệ! Lại có ngoại đạo khác thấy các thứ câu-na cực vi đà-la-phiêu, hình xứ hoành pháp đều khác nhau. Thấy rồi cho rằng thổ không có sừng, nhưng lại chấp mê là trâu có sừng”. Kiến chấp của ngoại đạo không ngoài hai thứ: 1. Chấp không, thấy tất cả các pháp tùy nhân mà hết, không còn nhân nào khác như thổ không sừng, các pháp cũng giống như vậy, đó là Chấp đoạn. 2. Chấp có, thấy đại chủng nương cát bụi mà sinh. Đại chủng là bốn đại chủng. Câu-na Hán dịch là y. Đà-la-phiêu dịch là trần. Đối với hình lượng xứ của các vật như bụi nhỏ v.v... thì cho rằng có những sự khác nhau rồi nảy sinh nghĩ tưởng là trâu có sừng, đó là chấp thường.

6. Ngoại đạo sinh hai chấp có không:

Này “Đại Tuệ! Ngoại đạo rơi vào hai kiến chấp, chẳng hiểu tâm lượng. Cảnh giới vọng tưởng trong tự tâm thêm lớn, thân thọ dụng được lập ra, vọng tưởng căn lượng. Nay Đại Tuệ! tất cả pháp tánh cũng giống như vậy, lia có, không, không nên nghĩ là. Nay Đại Tuệ! nếu lia có, lia không, mà nghĩ là thổ không sừng, đó gọi là tà tưởng, vì Ngoại đạo do quán đối đãi mà sinh ra chấp. Không nên nghĩ là thổ không sừng, cho

đến phân biệt tự tánh bụi nhỏ đều không thật có. Nay Đại Tuệ! Cảnh giới bậc Thánh là lìa, không nên nghĩ là trâu có sừng”. Ngoại đạo kia sinh hai chấp có không, nên không biết các pháp do tâm, mà đối với cảnh giới tự tâm thêm lớn vọng tưởng phân biệt, còn các thứ nuôi thân của thế gian đều do tâm lượng vọng tưởng, gốc cũng do tâm. Nếu thấu đạt được cảnh giới do tâm lượng này hiện ra đều là luống dối thì hai chấp Có Không chắc chắn sẽ tiêu hết. Lại bảo này Đại Tuệ! Chẳng những tâm pháp vốn không mà tánh của tất cả các pháp cũng vốn lìa tướng có không, chẳng nên vọng chấp. Lại nữa, nếu nói rằng Có Không đều lìa mà lại nghĩ tưởng thọ không có sừng, cũng là tà chấp. Nói đái quán, đái nghĩa là đối đái, là quán sừng trâu có, sừng thọ không, cũng chẳng phải chân không, vì vậy nói không nên nghĩ là. Cho đến đối với tự tánh bụi nhỏ mà tìm cầu thể tướng đều chẳng thật có. Vì cảnh giới Thánh trí vốn lìa các kiến chấp kia, vì vậy cho nên ở đây không nên phân biệt.

7. Bác bỏ chấp hữu vô của ngoại đạo đều chẳng phải chánh nhân:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Người đạt được vô vọng tưởng, thấy tướng bất sinh rồi theo đó suy nghĩ quán sát bất sinh vọng tưởng mà nói là vô chẳng?”. Đã bác bỏ chấp hữu vô của ngoại đạo đều chẳng phải chánh nhân. Lại hỏi rằng: Nay trong Chánh giáo những người không còn vọng tưởng, chỉ thấy tướng vô sinh mà thôi, thì có khác gì với các ngoại đạo kia quán sát bất sinh vọng tưởng, mà nói là vô chẳng?

8. Đáp để phân biệt với phi:

“Phật bảo Đại Tuệ: chẳng phải quán sát bất sinh vọng tưởng mà nói là vô. Vì sao? Vì vọng tưởng do đó mà sinh. Y sừng kia sinh vọng tưởng, cho nên nói là y nhân; phải lìa khác và chẳng khác. Cho nên chẳng phải quán sát vọng tưởng bất sinh rồi nói là không sừng”. Đáp trước là để phân biệt với chẳng phải. Nói chẳng quán sát, vì hiểu rõ tự tánh vọng tưởng là không, khác với sự phân biệt của ngoại đạo, đối với có mà nói không; do ngoại đạo dùng phân biệt vọng tưởng làm nhân sinh ra các pháp, như nhân sừng có không mà sanh phân biệt. Nói do nương sừng nên sinh vọng tưởng. Nói lìa khác, chẳng khác: khác nghĩa là nương sừng mà sanh phân biệt có không; nói chẳng khác nghĩa là đối với sừng, không khởi phân biệt, lìa bỏ chấp này cho nên nói chẳng phải quán sát vọng tưởng bất sinh mà nói không có sừng.

9. Giải thích lại nghĩa trên:

Này “Đại Tuệ! Nếu vọng tưởng khác với sừng thì không do sừng mà sinh. Nếu không khác, thì phải do sừng mà sinh, cho đến, phân tích hạt bụi tìm cầu không bao giờ được. Vì chẳng khác với sừng cho nên vọng tưởng cũng chẳng có tánh. Cả hai đều vô tánh. Vì sao nói là không! này Đại Tuệ! vì không cho nên chẳng có sừng, quán có cho nên nói thỏ không sừng, chẳng nên nghĩ là như thế. Này Đại Tuệ! Vì không có chánh nhân cho nên nói hữu vô, cả hai đều không thành”. Ở đây lại nói vọng tưởng khác sừng v.v... là lại giải thích nghĩa trên. Nếu cho rằng phân biệt và sừng khác nhau thì sừng chẳng phải nhân sở y. Nếu không khác thì do sừng mà sinh phân biệt. Nếu phân tích cho đến hạt bụi thì tất cả đều không thật có. Từ đó, hai chấp có sừng, và không sừng đều diệt mất. Nói không khác sừng tức vọng tưởng cũng không tánh. Chẳng phải tánh là chẳng phải thật tánh, nếu hai pháp hữu vô đều vô tánh thì chỉ cho pháp nào mà nói là vô. Nói vô cho nên không sừng, nghĩa là khác với có sừng, vả lại, nói không sừng, chắc chắn không đúng lý, cho nên nói không nên nghĩ là. Nói không phải là chánh nhân, nghĩa là không có được nhân chân chính để nói về hữu vô, hữu vô đều không có thật nghĩa, cho nên cả hai đều không thành.

Này “Đại Tuệ! Lại có các ngoại đạo, khác chấp đắm việc sắc, không, hình xứ, hoành pháp, không thể khéo biết giới hạn của hư không, nói sắc lìa hư không, khởi kiến chấp vọng tưởng giới hạn”. Lặp lại chấp vào nghĩa sắc không của ngoại đạo, để phân biệt kia chẳng phải nhân. Như Kinh Nhập Lăng-già chép: lại có ngoại đạo chấp sắc, hình trạng, giới hạn hư không mà sinh chấp đắm, nói sắc khác với hư không mà sinh ra phân biệt.

10. Khéo phân biệt sắc không:

Này “Đại Tuệ! Hư không là sắc, tùy nhập sắc chủng. Này Đại Tuệ! Sắc là hư không, năng trì và sở trì được lập ra, tánh sắc không sự phân biệt nên biết. Này Đại Tuệ! Khi bốn đại chủng sinh thì tự tướng đều khác nhau, cũng không trụ hư không, chẳng phải kia chẳng có hư không”. Trên đây là nói về việc không khéo phân biệt Sắc và Không, ở đây nói, không tức là sắc, sắc tức là không. Năng trì sở trì nghĩa là sắc là sở trì của hư không, ở chỗ sở trì lập ra các sắc, thì ngoài không không có sắc để làm năng sở lẫn nhau. Vì sao mà nói lìa hư không sanh ra chấp bờ mé. Nói tánh sắc không sự ấy nghĩa là sự tánh sắc tánh không, nên phân biệt như thế. Kinh Nhập Lăng-già chép: Giới hạn của sắc và không nên biết là như vậy. Bốn đại chủng: đất nước lửa gió, khi bốn đại này sinh, cứng ướt nóng động, tự tướng của chúng mỗi thứ đều khác

nhau. Tuy chẳng trụ ở hư không, mà chẳng hề lìa hư không, cho nên nói chẳng phải nó không có hư không.

11. Quán đối đãi:

“Đúng thế, Nay Đại Tuệ! Vì quán trâu có sừng nên thổ không sừng. Nay Đại Tuệ! Lại nữa, sừng trâu, phân tích thành bụi nhỏ, lại phân biệt bụi nhỏ ấy trong từng sát-na không dừng trụ. Đó là pháp sở quán gì mà nói là không ư! Nếu nói quán các vật khác thì pháp kia cũng giống như vậy”. Quán trâu có sừng v.v... là đối với trâu có sừng mà nói thổ không có sừng. Sừng trâu này phân tích thành bụi nhỏ, lại phân tích hạt bụi gắn với hư không, như vậy thì đối với tướng giác, vô giác, tìm kiếm tướng trụ trong từng sát-na cũng không thật có. Sát-na là niệm nhỏ nhiệm. Ngoại đạo kia chấp không, là nói theo sừng trâu có. Tìm kiếm sừng trâu, đã không có hạt bụi nhỏ thật có, thì chẳng biết đối với vật gì mà nói là không. Kinh Lăng-già chép: Tất cả các vật đối đãi cũng đều như vậy, đãi là đối đãi.

12. Kết thúc, khuyến khích lìa hai chấp:

“Khi ấy, Đức Thế tôn bảo Bồ-tát Đại Tuệ rằng, Phải lìa các vọng tưởng dị kiến về sừng thổ, sừng trâu, hình sắc hư không. Đại Bồ-tát các ông phải suy nghĩ vọng tưởng do tự tâm hiện, tùy vào tất cả cõi nước, bậc Tối thắng tử dùng tự tâm hiện phương tiện mà dạy bảo họ”. Đây là kết thúc khuyến khích lìa hai chấp. Lại nói rằng: phải suy nghĩ vọng tưởng do tự tâm hiện, muốn biết vọng tưởng thật có hay không chỉ nên nhìn lại tự tâm mình là có quả hay không có quả, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không, suy nghĩ sẽ tự biết được. Cũng phải dùng giáo lý này mà dẫn dắt người, cho nên nói tùy theo tất cả cõi nước. Tối thắng tử giống như Phật tử.

13. Nói về tự tánh vọng tưởng chẳng ngoài ngoài trần và nội thức:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

*Sắc thấy và tâm không,
Các sắc nuôi lớn tâm.
Thân thọ dụng an lập,
Thức tạng hiện chúng sinh,
Tâm ý cùng với thức,
Pháp tự tánh, có năm.
Vô ngã hai thứ tịnh,
Nói rộng điều cần nói
Dài, ngắn, có, không thấy,*

*Xoay vẫn giúp nhau sinh,
 Vì không nên thành có,
 Do có nên thành không,
 Sự phân biệt bụi nhỏ,
 Chẳng khởi vọng tưởng sắc,
 Chỗ tâm lượng an lập,
 Người ác kiến chẳng ưa,
 Giác tưởng chẳng cảnh giới,
 Thanh văn cũng như vậy.
 Vì cứu đời, mà nói,
 Về Cảnh giới tự giác”.*

Sắc và tâm đều không: Bài tụng trên là nói về tự tánh vọng tưởng không ra ngoài các ngoại trần như sắc v.v... và nội thức, tâm dùng lý để nói thì vốn không thật có. Một chữ không này, là cây dao bén để chặt bỏ vọng, không gì hôn nó, nếu thể nhận được thì có tướng nào mà không dứt bỏ được. Song, phàm phu không biết mà khởi vọng tưởng, trở lại nuôi lớn vọng tưởng tự tâm, cho nên các vật của thân thọ dụng v.v... từ đó lập ra. Nói theo gốc thì do tạng thức hiện bày, vì vậy, tâm, ý, ý thức, lần lượt sinh ra. Tự tánh pháp có năm, y theo ba tự tánh mà lập năm pháp danh, tướng v.v... và hai vô ngã. Nói rộng v.v... như bài tụng trên nói, vọng tưởng có không và quán sát đối đãi... đều chẳng phải chánh nhân. Việc phân biệt hạt bụi không khởi vọng tưởng sắc, v.v... bài tụng trên phân tích cho rằng, có sừng không sừng đều là vọng tưởng tà chấp. Chỗ Tâm lượng an lập: bài tụng trên nói, suy nghĩ biết được, tự tâm xa lìa kiến chấp có không, đó chính là chỗ an lập của nghĩa bậc nhất, chẳng phải cảnh giới an vui của Nhị thừa, ngoại đạo, ác kiến giác tưởng, mà chính là cảnh giới tự giác mà Phật nói.

14. Bồ-tát Đại Tuệ hỏi:

“Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ vì muốn dứt sạch tự tâm hiện lưu, nên lại thưa hỏi Như lai: Bạch Đức Thế tôn! Làm sao để dứt sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sinh, là Đốn hay Tiệm”: Tự tâm hiện lưu nghĩa là phiền não lưu chú hiện hành của tám thức tự tâm, cũng gọi là lỗi lầm của thói quen do tự tâm hiện khởi. Đại Tuệ vì chúng sinh mà hỏi pháp trừ sạch này là đốn hay tiệm.

15. Nêu tịnh tướng tiệm đốn:

“Phật bảo: Này Đại Tuệ! Tiệm chứ chẳng phải đốn. Như trái yêm-la chín dần, chẳng thể chín ngay được, Như lai dứt sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sinh cũng như vậy, tiệm chứ chẳng phải đốn.

Thí như người thợ gốm làm các mặt hàng, thành dần dần chứ chẳng phải thành ngay trong một lúc. Như lai dứt sạch tự tâm hiện lưu cho tất cả chúng sinh cũng giống như thế, tiệt chứ chẳng phải đốn... Thí như người học âm nhạc, hội họa, các thứ kỹ thuật, thành tựu dần dần chứ chẳng phải chỉ trong một lúc: Như lai dứt trừ sạch tự tâm hiện lưu cho tất cả chúng sinh cũng giống như thế, dần thành chẳng phải thành ngay. Thí như gương sáng, hiện ngay tất cả sắc tướng vô tướng, Như lai dứt sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sinh cũng giống như thế, đốn hiện vô tướng; không có tất cả cảnh giới thanh tịnh. Như vầng trời trắng đốn chiếu hiển bày tất cả sắc tướng. Như lai vì muốn giúp chúng sinh lìa lỗi lầm của thói quen do tự tâm mình hiện cũng giống như thế, là hiển bày cảnh giới trí tối thắng không thể suy nghĩ bàn luận. Thí như tầng thức đốn phân biệt biết ngay cảnh giới thọ dụng do tâm mình hiện và thân an lập, chúng sinh nương nhờ Phật cũng giống như vậy, thành ngay cảnh giới chỗ ở của chúng sinh, đặt người tu hành vào tầng trời Sắc Cứu Cánh. Thí như Pháp Phật làm ra, nương vào ánh sáng chiếu soi của Phật, con đường tự giác của bậc Thánh cũng giống như thế, chúng sinh, đối với pháp tướng, có tánh, không tánh, ác kiến vọng tưởng, được nương vào sự chiếu soi khiến dứt trừ sạch”.

Đoạn này nêu tịnh tướng tiệt, đốn. Phật bảo Đại Tuệ: Dưới đây là nêu tướng tiệt tịnh: Văn gồm có bốn dụ, có pháp, có dụ, có hợp đều rất dễ thấy. Thí như chiếc gương sáng v.v... trở xuống là nêu rõ tướng đốn tịnh cũng có bốn dụ, sơ vô tướng sắc tướng tức là sắc tướng được nói, thể của hình bóng vốn không; do trong pháp dụ thì cảnh giới vô tướng vốn không thật có cho nên nói không có tất cả tạng thức. Dụ rằng, Đốn phân biệt tri nghĩa là chẳng phải tạng thức phân biệt, chính là phân biệt cảnh giới do tạng thức hiện ra, như các hình bóng ở trong gương. Dụ này là y theo cảnh sở cư mà Phật vì muốn các chúng sinh có căn cơ lớn thành thực một cách nhanh chóng cho. Nói nương Phật là báo thân Phật. dùng báo thân nương vào pháp thân. Nói thí như pháp Phật làm ra nương vào Phật, như Kinh Nhập Lăng-già chép: Thí như pháp thân Phật đốn hiện báo Phật và hóa Phật. Con đường Tự giác của bậc Thánh tức cảnh giới tự chứng. Người ngoại đạo, đối với tánh hữu và vô, chấp lấy một cách sai lầm, được chiếu soi khiến dứt trừ sạch.

16. Tất cả chẳng thật, đều như huyễn:

Này “Đại Tuệ! Nói theo Pháp thân, báo thân Phật, thì tất cả pháp nhập tự tướng cộng tướng là nhân của thói quen tự tâm hiện lượng, do chấp đắm của tự tánh vọng tưởng nối nhau, tất cả chẳng thật, đều như

huyễn, các thứ chấp đắm đều không thật có Pháp nương Phật, pháp tức là thể của pháp thân, nương Phật tức dụng của báo Phật, nghĩa là toàn thể khởi dụng cho nên nói tất cả pháp. Pháp tức là pháp Đại thừa. Nhập tự tướng cộng tướng v.v... là nói chúng sinh quên mất bốn tánh, chấp vào tự tướng cộng tướng, đó là phiền não hiện ra nơi tự tâm, cũng gọi là nhân của thói quen. Do phiền não nối nhau vọng chấp gây ra các nghiệp ác trói buộc, gọi là nhân chấp đắm. Do phiền não gây ra các nghiệp, chịu các thứ sinh tử luống dối, cho nên nói như huyễn không thật, ba đường này bao gồm cả chín cõi cho nên nói các thứ chấp đắm, nhưng ba đường này vốn là ba đức, chúng sinh quên ba đức ấy nên trôi lăn trong ba đường. Phật nói pháp này giúp cho chúng sinh thấu hiểu tự tánh vốn không, dứt vọng thành chân, chân vọng điều dứt, cho nên nói chẳng thật có.

17. Tự tướng, cộng tướng đều không ngoài hai tự tánh:

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Chấp đắm duyên khởi tự tánh, sinh tướng vọng tưởng tự tánh. Này Đại Tuệ! Thí như các nhà ảo thuật nương cỏ cây, ngói gạch tạo ra các thứ huyễn hóa, nương theo biết bao nhiêu thứ hình sắc của chúng sinh, khởi lên tất cả các thứ vọng tưởng. Tất cả các vọng tưởng đó cũng đều không thật. Ở đây nói tự tướng, cộng tướng, v.v... của các pháp đều không ngoài hai tự tánh. Do duyên khởi tự tánh mà sinh tướng vọng tưởng tự tánh, nên lại dùng thí dụ để nêu rõ. Nương cỏ cây... Làm các thứ huyễn, ở đây ví dụ duyên khởi tự tánh, hoặc bao nhiêu hình sắc... Nghĩa là vọng tưởng tự tánh. Các vọng tưởng kia như nhà ảo thuật biến ra các tướng huyễn hóa, cho nên nói cũng không chân thật.

18. Dùng pháp huyễn dụ cho các vọng tưởng:

“Cũng thế, này Đại Tuệ! Y duyên khởi tự tánh, khởi vọng tưởng tự tánh; các tướng của các tâm vọng tưởng, các tướng vọng tưởng của hành và sự, các thói quen vọng tưởng chấp đắm, đó là tướng vọng tưởng tự tánh sinh. Này Đại Tuệ! Đó gọi là nương Phật nói pháp”. Trên đây là dùng pháp huyễn dụ cho các vọng tưởng, ở đây hợp với dụ trước. Nói các tâm vọng tưởng v.v... tức là nhân có tâm thì có tướng, có tướng thì có hành, có hành thì có sự, đều do vọng tưởng, tức là tướng của ba đường trước, chỉ có khai hợp là khác! Kinh Nhập Lăng-già chép: Do năng lực chấp đắm cảnh giới thói quen, cho nên, trong tánh duyên khởi có tánh vọng chấp khiến các tướng hiện ra, đó gọi là tánh vọng chấp sinh. Văn rõ ràng cho nên chỉ dẫn lời chú thích ngang đây: Đó gọi là tướng nương Phật nói pháp.

19. Danh của vô danh, tướng của phi tướng:

Này “Đại Tuệ! Pháp Phật là tướng tự tánh của tâm, cảnh giới tự giác sở duyên của bậc Thánh, dựng lập tạo tác”. Pháp Phật là pháp thân tu đức. Nói là tướng tự tánh của tâm là, là vọng niệm, vả lại pháp thân rất ráo chỗ nào mà không là, hơn nữa, đặc biệt nói tâm, vì tâm là gốc của muôn pháp, nếu tâm không mất thì tất cả pháp sinh. Ở đây nói là tướng thì các pháp vắng lặng. Tướng vắng lặng ấy gọi là Pháp thân. Đã nói là tướng thì danh tướng pháp thân từ đâu mà lập; cho nên nói cảnh giới sở duyên của bậc Thánh Tự giác, dựng lập tạo tác, nghĩa là gắng gượng dùng pháp tánh làm pháp thân. Đây là “danh của vô danh, tướng của phi tướng”.

20. Nói về hóa Phật:

Này “Đại Tuệ! Hóa Phật là nói các thứ thí, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định và tâm trí tuệ, là ấm giới nhập, giải thoát thức tướng phân biệt, quán sát dựng lập, vượt hẳn kiến chấp ngoại đạo và kiến chấp Vô Sắc”. Hóa Phật tức là ứng thân Phật; nói pháp ba thừa độ thoát chúng sinh; nói sáu độ là pháp Bồ-tát, là năm ấm, mười tám giới, mười hai xứ và giải thoát thức tướng phân biệt, là pháp Nhị thừa: Quán sát dựng lập, tức như văn sau nói hai nghĩa của chữ Giác là pháp tự hành hóa tha của Bồ-tát. Vượt ngoài kiến chấp ngoại đạo là là hai chấp đoạn, thường. Kiến chấp Vô Sắc: là chấp định Vô Sắc cho rằng đó chính là định Niết-bàn, tức tâm thọ tướng diệt.

21. Kết thúc khuyên tu học:

Này “Đại Tuệ! pháp thân Phật là tâm phan duyên, phan duyên là rồi thì tất cả tướng căn lượng sở tác đều diệt; chẳng phải là cảnh giới sở chấp ngã tướng chấp đắm của phàm phu, Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo. Đó chính là tướng tự giác của bậc Thánh rất ráo khác nhau tướng được dựng lập, cho nên Này Đại Tuệ! Đối với Tự giác Thánh cứu cánh khác nhau tướng phải siêng tu học. Các hiện chấp của tự tâm nên phải dứt bỏ. Lại nữa, pháp Phật là nói lại chỗ là. Trước nói là tâm thì tự thể là, nay lại nêu là cảnh năng là sở là. Là phan duyên thì khác với phàm phu, là phan duyên là thì khác với Nhị thừa. Bởi hàng Nhị thừa tuy là tiền trần nhưng lại chấp không, Phật thì không như vậy, tất cả tướng căn lượng sở tác diệt, là khác với ngoại đạo, cho nên nói chẳng phải các phàm phu cho đến cảnh giới chấp đắm. Sở là đã cùng cực thì chỉ là tự giác cảnh giới Thánh mà thôi, nói tướng rất ráo khác nhau: Rất ráo là quả vị cùng cực, khác nhau chính là pháp vô vi mà có khác nhau, khác nhau trong không khác nhau. Kết thúc khuyến khích có hai

thứ, khuyên tu học, kết thúc văn này; dứt trừ là tổng kết hiện lưu của tự tâm ở trên.

22. *Khuyên Bồ-tát tu tự giác Thánh trí:*

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Có hai thứ Thanh văn thừa thông phân biệt tướng, nghĩa là được tướng tự giác Thánh của bậc khác nhau, và tướng tánh vọng tướng tự tánh chấp đắm. Thế nào là Thanh văn được tướng tự giác Thánh khác nhau? Nghĩa là đối với cảnh giới vô thường, khổ, thông, vô ngã được chân đế, lìa dục, vắng lặng, dứt ấm, giới, nhập, tự tướng, cộng tướng, biết một cách đúng đắn các tướng bất hoại ở bên ngoài, Tâm được dừng lặng, tâm dừng lặng thì được Tam-muội thiền định giải thoát, đạo quả chánh thọ giải thoát, không lìa thói quen bất tư nghị biến dịch sinh tử, được tự giác Thánh lạc trụ Thanh văn. Ấy gọi là được tướng tự giác của bậc Thánh khác nhau.” Trên đây là khuyên Bồ-tát tu tự giác Thánh trí đã có Đại Tiểu khác nhau, vượt ngoài tướng Thanh văn sở chứng. Có hai thứ khác nhau: Tướng tự giác của bậc Thánh khác nhau, là sở chứng lý. Tướng tánh vọng tướng tự tánh chấp đắm, là chấp giáo khởi biến. Tuy đồng là Thanh văn nhưng được mất khác hẳn. Vô thường, khổ, không, vô ngã là quán tích không mà hàng Thanh văn tu. Cảnh giới, là cảnh giới sở không. Chân đế là chân lý. Lìa dục vắng lặng, là lìa ái dục trong ba cõi, nhập Niết-bàn Vô dư. Tức diệt năm ấm, mười tám giới, mười hai nhập, tự tướng, cộng tướng, tự cộng tướng, tức là tướng chung riêng. Biết như thật tướng bất hoại bên ngoài nghĩa là các Thanh văn không thể biết rõ một cách đúng như thật rằng tướng sinh tử tức là tướng Niết-bàn, cho nên thuộc về bên ngoài. Vì chắc chắn được vắng lặng, sau đó tâm mới dừng lặng, tâm đã dừng lặng nên được thiền định cho đến chánh thọ giải thoát. Không lìa thói quen, v.v... là phiền não bị dứt trừ có chánh, có tập, chỉ có thể dứt chánh, lìa phần đoạn sinh tử, chưa thể dứt tập, còn có biến dịch sinh tử. Phần đoạn chi hình sinh tử phần đoạn trong ba cõi; biến dịch là phương tiện độ, là nhân đời quả đổi sinh tử. Nói không thể suy nghĩ bàn luận nghĩa là sinh tử biến dịch này phạm phu chẳng thể suy nghĩ bàn luận được. Lạc trụ là hàng Thanh văn lạc trụ ở chân không Niết-bàn.

23. *Bồ-tát chứng chân đế mà không mê đắm:*

Này “Đại Tuệ! Đại Bồ-tát được tự giác thanh trí khác nhau lạc trụ, chẳng phải ở diệt môn lạc mà ở chánh thọ lạc, vì đoái tướng thường xót chúng sinh, vì bốn nguyện cho nên không khởi chứng. Nay Đại Tuệ! Ấy gọi là Thanh văn được tự giác Thánh khác nhau tướng lạc. Đại Bồ-tát đối với tự giác Thánh khác nhau tướng lạc đó, không nên tu học”. Ở

đây ý nói Bồ-tát cũng chứng chân đế mà không đắm trước, nói chẳng phải diệt môn, không đồng với trụ môn vắng lặng, hưởng đến chánh lạc thọ của Tiểu thừa. Nói đoái hoài thương xót chúng sinh... Nghĩa là Bồ-tát dùng bi nguyện độ sinh, không chấp đắm Niết-bàn. Đây là lặp lại lời tổng kết rằng cái vui Tam-muội mà các Thanh văn chứng đắc thì đối với Bồ-tát Tam-muội này không nên tu học.

24. Gạn lại để giải thích:

Này “Đại Tuệ! Thế nào là tâm vọng tưởng tự tánh chấp đắm tướng Thanh văn? Đó là đại chủng xanh, vàng, đỏ, trắng, cứng, ướt, ấm, động, chẳng phải do tạo tác mà sanh, tự tướng, cộng tướng, bậc Tiên thắng khéo léo nói ra kiến rồi nhưng người Thanh văn khởi tự tánh vọng tưởng. Đại Bồ-tát đối với điều đó nên biết nên xả, tùy duyên nhập vào tướng pháp vô ngã, dứt trừ kiến chấp tướng người vô ngã, thứ lớp các địa tiếp nối dựng lập. Ấy gọi là các Thanh văn tánh vọng tưởng tự tánh chấp đắm tướng. Đoạn này gạn lại dẫn giải thích. Chấp tướng Thanh văn, trước hết là giải thích tánh vọng tưởng, nghĩa là sắc bốn đại chủng, mỗi đại chủng có tánh tự nhiên. Như tánh của đất là sự cứng chắc tánh, của nước là sự ẩm ướt tánh của lửa là sự ấm nóng tánh của gió là sự chuyển động. Nói chẳng tạo tác sinh là chẳng do tạo tác mà sinh, nhưng đối với ấm giới nhập, tự tướng cộng tướng mà sinh chấp đắm. Tiên Thắng là Phật, nghĩa là Đức Phật dùng phương tiện khéo léo giảng nói. Nói các Thanh văn chấp giáo không thể thấu hiểu tự tánh vốn không, thấy các tướng cảnh giới kia, khởi tự tánh vọng tưởng, là Bồ-tát phải biết đó là lỗi mà nên lìa bỏ, tùy duyên nhập vào pháp vô ngã tướng v.v... Kinh Nhập Lăng-già chép: lìa chấp người vô ngã, nhập tướng pháp vô ngã, dần dần vào các địa, đó gọi là hạ kiết.

25. Như lai nói về không thể suy nghĩ, bàn luận:

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật rằng: bạch Đức Thế tôn! Lỗi Thế tôn nói thường không thể suy nghĩ bàn luận cảnh giới của con đường tự giác bậc Thánh và cảnh giới Đệ nhất nghĩa. Thế tôn! Lỗi các ngoại đạo nói chẳng phải nhân duyên thường không thể suy nghĩ bàn luận ư! Như lai bàn luận về không thể suy nghĩ bàn luận với cái mà ngoại đạo nói, sợ người học lầm chân rơi vào vọng cho nên nêu lên để đặt câu hỏi, tên đồng nghĩa khác thấy đầy đủ, ở văn dưới. Cái gọi là thường cùng bất tư nghị, không ra ngoài hai thứ cảnh giới, thường tức là tự giác Thánh thú, bất tư nghị tức là Đệ nhất nghĩa, tự giác thường trí, Thánh thú là thường cảnh, do thường trí mà khế hợp với thường cảnh nên gọi là thường Đệ nhất nghĩa thể dứt bật nói năng suy nghĩ, gọi là

bất tư nghị, ngoại đạo tà kiến làm sao đồng được.

26. *Nhân duyên của ngoại đạo chẳng được thường không thể suy nghĩ, bàn luận:*

“Phật bảo này Đại Tuệ! Nhân duyên của các ngoại đạo chẳng được thường bất tư nghị. Vì sao? Vì ngoại đạo thường bất tư nghị không nhờ tự tướng mà thành. Nếu thường bất tư nghị không nhờ tự tướng mà thành thì do đâu mà hiển hiện thường bất tư nghị. Lại nữa, Này Đại Tuệ! Nếu Bất tư nghị nhờ tự tướng mà thành thì kia lẽ ra phải thường. Do tác giả nhờ tướng nên thường bất tư nghị chẳng thành. Đáp rằng: chẳng phải các ngoại đạo nhân duyên v.v... bởi ngoại đạo tu chứng chẳng phải nhân duyên chân chánh, do chẳng phải chánh nhân, nên quả chẳng phải chánh quả, cho nên nêu ra giải thích để bác bỏ. Không nhờ tự tướng mà thành, nghĩa là chẳng phải do tướng tự giác mà thành thì quả của cảnh giới thường bất tư nghị cũng không thành. Nếu nhân kia từ tướng tự giác mà thành, thì nhân thường mà quả cũng thường. Nói do làm tướng nhân, v.v... nghĩa là do nhân sở tác là tà chấp cho nên thường bất tư nghị không thành quả.

27. *Nói về chỗ đúng của chánh giáo trái với ngoại đạo:*

Này “Đại Tuệ! Đệ nhất nghĩa thường bất tư nghị của ta, tướng của nhân Đệ nhất nghĩa, lìa tánh phi tánh, được tướng tự giác nên có tướng. Làm nhân của trí Đệ nhất nghĩa cho nên có nhân. Vì lìa tánh phi tánh, thí như vô tác hư không, Niết-bàn diệt tận cho nên thường. Đúng thế! Này Đại Tuệ! Chẳng đồng với luận thường. Bất tư nghị của ngoại đạo. Đúng thế, này Đại Tuệ! Thường bất tư nghị này các Đức Như lai tự giác Thánh trí chứng đắc, như thế cho nên thường bất tư nghị tự giác Thánh trí chứng đắc này cần phải tu học. Đây là đối với lỗi của ngoại đạo, mà hiển bày chỗ đúng chánh giáo nói Đệ nhất nghĩa nhân tướng thành v.v... Đệ nhất nghĩa này tức là thật tướng trung đạo, do đó là nhân tức là thường nhân, do đó gọi tướng tức là thường tướng, xa lìa lỗi hữu vô. Nói lìa tánh thì chẳng đúng, lìa phi tánh thì chẳng phải vô, chẳng phải hữu chẳng phải vô chính là nói lên Trung đạo. Trung đạo dứt bật sự đối đãi cho nên thường, thường cho nên mầu nhiệm mầu nhiệm nên không thể suy nghĩ bàn luận. Đó là do Như lai là bậc rốt ráo thường bất tư nghị, khác với ngoài đạo không có nhân tự tướng, cho nên lại nói có nhân, có tướng. Nói thí như vô tác, hư không v.v... hư không do vô vi cho nên thường, Niết-bàn do diệt tận cho nên thường. Thường bất tư nghị này thì sự tranh luận của ngoại đạo tự không thể sánh bằng. Nói các Như lai v.v... Phật dạy chẳng phải chỉ có pháp của ta như vậy, mà thường bất tư

ngộ của Chư Phật cũng đều như vậy. Cho nên khuyên Bồ-tát phải nên tu học.

28. Bác bỏ tánh vô thường của ngoại đạo:

Lại nữa, này Đại Tuệ! thường bất tư nghị của ngoại đạo là tánh vô thường, vì là nhân của tướng khác, chẳng phải tướng của nhân tự tác cho nên thường. Lại nữa, Này Đại Tuệ! Thường bất tư nghị của các ngoại đạo đối với tánh phi tánh sở tác là vô thường, thấy rồi suy nghĩ chấp là thường”. Đây là bác bỏ tánh vô thường của ngoại đạo, cho nên bắt bẻ họ không quá, vì nhân kia chẳng phải chánh nhân, cho nên đối với nhân trở lại bác bỏ. Nói nhân quả tướng khác, là chẳng phải tướng nhân của tự ngã. Kia nói thường, là chẳng phải lại thường do năng lực của tự làm chánh nhân thật tướng tạo thành, là thường của chẳng phải thường mà chấp là thường, đâu thể nói lên quả của tánh thường được. Lại nữa, ngoại đạo chấp thường bất tư nghị chính là nói pháp sở tác của thế gian có rồi hoàn không, đều là vô thường tánh phi tánh tức có không. Tác là thấy rồi vọng chấp là thần ngã, cho là thường bất tư nghị cho nên suy nghĩ chấp là thường.

29. Thường bất tư nghị của ngoại đạo chỉ là môn thuyết vọng tưởng:

Này “Đại Tuệ! Ta cũng dùng nhân duyên như vậy, tạo tác tánh, phi tánh vô thường thấy rồi, tự giác Thánh cảnh giới nói thường kia không nhân. Này Đại Tuệ! Nếu lại các ngoại đạo nhân tướng thành thường bất tư nghị, nhân tự tướng là tánh, phi tánh, đồng với sừng thỏ. Thường bất tư nghị này chỉ là lời nói vọng tưởng, các ngoại đạo có lỗi như vậy”. Vì sao? Vì chỉ có lời nói vọng tưởng mới đồng với sừng thỏ, tự nhân tướng chẳng có phần. Lại nói: ta cũng dùng nhân duyên như vậy, nghĩa là Như lai cũng thấy tánh kia vô thường, nhưng tu thường để nói lên cảnh giới của bậc Thánh tự giác, về sau mới biết tánh kia vô thường nên nói thường vô nhân, lại nữa, nếu dùng tà nhân tà tướng của ngoại đạo thành thường bất tư nghị, thì nhân tự tánh tướng kia chỉ có lời nói mà không có thật nghĩa, cho nên nài đồng với sừng thỏ. Các bọn ngoại đạo có lỗi hạ kiết. Kia tóm lược có bốn: 1. Lời nói vọng tưởng. 2. Tự nhân tướng chẳng có phần. 3. Chẳng tự giác được tướng. 4. Suy nghĩ chấp thường. Cho nên nói có lỗi như thế.

30. Thường bất tư nghị của Phật và ngoại đạo:

Này “Đại Tuệ! Thường bất tư nghị của ta nhờ tự giác được tướng, lìa sở tác tánh phi tánh nên thường, chẳng phải ngoài đạo tánh phi tánh, vô thường suy nghĩ chấp là thường. Này Đại Tuệ! Nếu ngoại đạo tánh

phi tánh vô thường mà suy nghĩ chấp là thường, bất tư nghị thường, vì kia không biết tướng thường bất tư nghị tự nhân, họ cách xa cảnh giới tự giác Thánh trí nên họ không nên nói”. Thường bất tư nghị của ta v.v... là Phật dạy chỗ chứng đắc bất tư nghị của Ngã, do tự chứng làm nhân tướng, không đồng với ngoại đạo có rồi lại không, là vô thường, dùng thần ngã suy lường chấp là thường. Nếu lại ngoại đạo tánh phi tánh v.v... lại bác bỏ ngoại đạo chấp cùng có bốn nghĩa: 1. Bác bỏ suy lường chấp thường. 2. Bác bỏ không biết tướng là thường bất tư nghị tự nhân. 3. Bác bỏ họ cách xa Phật. 4. Họ không nên nói. Là Bác bỏ họ chỉ có lời nói.

31. Sinh tử và Niết-bàn đều là vọng tưởng:

“Lại nữa, này Đại Tuệ! Các Thanh văn sợ sinh tử vọng tưởng khổ mà cầu Niết-bàn. Chẳng biết sinh tử, Niết-bàn khác nhau tất cả tánh vọng tưởng chẳng phải tánh, sau rồi các căn cảnh giới thôi dứt nghĩ là Niết-bàn, chẳng phải tự giác Thánh trí thú tầng thức chuyển. Cho nên phàm phu nói có ba thừa, nói tâm lượng thú không thật có. Cho nên Này Đại Tuệ! Kia chẳng biết quá khứ, vị lai, hiện tại đều là cảnh giới tự tâm của các Đức Như lai, chấp đắm cảnh giới ngoài tâm hiện, vòng sinh tử thường xoay chuyển”. Ngoại đạo Tiểu thừa ưa cầu Niết-bàn, không biết Niết-bàn tướng khác nhau giữa sinh tử và Niết-bàn đều là vọng tưởng không có thật tánh. Trí nhãn của người Tiểu thừa này thấy căn cảnh vị lai thôi dứt, nhận lầm Niết-bàn, chẳng phải nghĩa chân thật là cảnh sở thú của tự giác Thánh trí, cũng chẳng phải chuyển tầng thức thành Niết-bàn. Phàm phu nói có ba thừa: cho là sinh tử tức Niết-bàn, pháp Đại thừa thì Tiểu thừa chẳng biết cho nên nói cho họ nghe Niết-bàn chân không của Tiểu thừa, tâm lượng không thật có tức là chân không. Nhưng lại không biết Niết-bàn diệu tâm của các Đức Phật ba đời là từ tâm phát hiện chẳng phải có riêng. Vọng chấp ngoài tâm có pháp, khởi hoặc tạo nghiệp, trôi lăn trong sinh tử.

32. Pháp vô sinh còn không thật có, hướng chi là tất cả pháp:

“Lại nữa này Đại Tuệ! Tất cả pháp bất sinh là do các Đức Phật quá khứ vị lai hiện tại nói. Vì sao? Vì tự tâm hiện tánh phi tánh, là hữu phi hữu mà sinh này Đại Tuệ! Tất cả tánh bất sinh, tất cả pháp như sừng thỏ, ngựa v.v... Vì phàm phu ngu si chẳng giác vọng tưởng, tự tánh vọng tưởng. Này Đại Tuệ! Tất cả pháp bất sinh, cảnh giới tự giác Thánh trí, tất cả tánh, tự tánh, tướng bất sinh. Chẳng phải hai cảnh giới của vọng tưởng kẻ ngu kia, tự tánh thân tài dựng lập thú tự tánh tướng. Này Đại Tuệ! Tạng thức năng nhiếp sở nhiếp tướng chuyển, kẻ nguời

vào hai kiến chấp sinh, trụ, diệt, hy vọng tất cả tánh sinh, hữu phi hữu vọng tưởng sinh, chẳng phải Thánh hiền. Nay Đại Tuệ! Đối với kia nên phải tu học. “Phần trên Phật nói tìm kiếm vô sinh còn không thật có, huống chi là tất cả pháp ư! Do chúng sinh từ vô thỉ chấp đắm các pháp, cho nên các Đức Phật phá chấp đắm kia nên nói bất sinh, vì tất cả pháp chỉ tự tâm hiện không có thật tánh, đâu chỉ lìa hữu sinh, mà cũng lìa vô sinh. Kinh Niết-bàn chép: cái gọi là Bất sinh bất sinh”. Tất cả tánh bất sinh... lại y theo mê ngộ để nêu bày được mất, nghĩa là không thể rõ hết sinh tức vô sinh, chỉ nói tất cả tánh bất sinh, chấp đắm tất cả pháp như thổ, ngựa v.v... không có sừng, đây là kẻ kẻ ngu chẳng giác vọng tưởng là vọng tưởng của tự tánh, chẳng phải nay nói là bất sinh. Nếu nói tất cả pháp bất sinh, là cảnh giới tự giác Thánh trí của Phật, thì tất cả pháp tánh tướng đều bất sinh, đây là chân vô sinh. Chẳng phải kẻ ngu kia vọng tưởng phân biệt hai cảnh hữu vô. Nói tự tánh thân tài, v.v... như Kinh Nhập Lăng-già chép: Thân và tài sinh khí thế gian v.v... tất cả đều là hình bóng của tạng thức. Hai tướng sở thủ, năng thủ hiện, kẻ ngu không hiểu rơi vào hai chấp hữu vô, sinh, trụ, diệt, chấp đắm tất cả tánh sinh, không ngoài vọng tưởng hữu vô, thật chẳng phải vô sinh mà Thánh hiền chứng đắc. Nói đối với kia là đối với vô sinh mà các Đức Phật nói, phải nên tu học.

33. Nói về năm thứ Vô gián:

“Lại nữa nay Đại Tuệ! Có năm chủng tánh Vô gián, năm chủng tánh ấy là: Thanh văn thừa Vô gián chủng tánh, Duyên giác thừa Vô gián chủng tánh, Như lai thừa Vô gián chủng tánh, bất định chủng tánh, và các biệt chủng tánh nói về chủng tánh kia vốn không khác nhau. Từ vô thỉ huân tập, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc định hoặc bất định, kinh này có nói. Có năm thứ Vô gián, hoặc chủng tánh kia thuần nhất không lẫn lộn.

34. Chỗ yếu kém của Thanh văn:

“Làm sao biết Thanh văn thừa Vô gián chủng tánh? Nếu khi nghe nói được ấm, giới, nhập tự tướng, cộng tướng dứt liền biết, toàn thân nổi ốc, vui mừng, và ưa tu tướng trí, chẳng tu tướng duyên khởi phát ngộ, đó gọi là Thanh văn Thừa Vô gián chủng tánh. Thanh văn Vô gián thấy địa thứ tám, dứt sinh phiền não nhưng thói quen phiền não chưa dứt bỏ, không qua được sinh tử biến dịch bất tư nghị, đã qua sinh tử phần đoạn, chính như Sư Tử hống nói: ta sinh đã hết sinh tử phạm hạnh đã lập, chẳng còn thân đời sau, biết đúng như thật, tu tập người vô ngã, cho đến được giác ngộ, nhập Niết-bàn. Thanh văn sợ khổ tâm

tha thiết gấp cầu chứng, cho nên khi nghe nói Bốn đế, biết khổ dứt tập, mền diệt tu đạo thì thân tâm vui vẻ. Ấm giới nhập tự tướng, cộng tướng, tuy khai hợp khác nhau nhưng tức là khổ đế. Tướng trí là trí tổng tướng của Bốn đế. Hàng Thanh văn căn cơ chậm lụt, thích tu trí này, không tu tướng duyên khởi phát ngộ. Duyên giác tức mười hai nhân duyên, chính là hạnh tu của Duyên giác mà phát ngộ, nhưng hàng Thanh văn không thích tu. Hàng Thanh văn dùng Tam-muội Vô gián thấy địa Bích-chi-phật thứ tám dứt kiến tư hoặc phiền não hiện hành, chưa đoạn hoặc vô minh riêng. Nói thói quen phiền não tức là vô minh. Do chưa vượt qua biển dịch sinh tử, chỉ có thể vượt qua phần đoạn sinh tử khổ mà thôi. Sự tử hống tức là ý nói không sợ hãi, nghĩa là đến địa thứ Tám nói: “ta đã hết sinh tử dứt khổ tập, phạm hạnh đã lập, không còn chịu thân đời sau, tu đạo chứng diệt, đều thật không luống dối, cho nên nói biết đúng như thật: Tu tập người vô ngã cho đến đắc Niết-bàn giác, nghĩa là không chấp người mà được Niết-bàn chứng nhân không”

Này “Đại Tuệ! Các biệt Vô gián là ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, nuôi lớn, sĩ phu. Các chứng sinh kia khởi giác như vậy, cầu nhập Niết-bàn, lại thấy ngoại đạo khác nói thấy đều do tác giả, thấy tất cả tánh rồi, nói đây là bát Niết-bàn. Khởi giác như thế, đối với pháp vô ngã thấy họ vô phần, không có giải thoát. Này Đại Tuệ! Đây là chủng tánh của các Thanh văn thừa Vô gián ngoại đạo, chẳng xuất mà tưởng là xuất, vì chuyển ác kiến cho những người này nên phải tu học”. Các Vô gián khác nhau đây nói Thanh văn chấp tướng không khác ngoại đạo mà nói Vô gián, đối với ngã, nhân, thấy, biết v.v... các pháp khác nhau, chấp là Niết-bàn, mà không biết đây là cội gốc sinh tử, trái lại cho là giác mà chấp là chứng. Lại có một hạng người chấp tất cả các pháp đều do tạo tác mà có, chẳng phải nhân chấp là nhân, thấy tất cả tánh cho là Niết-bàn. Như Thanh văn ưa diệt tu đạo, nhưng đối với pháp vô ngã giải thoát thật chẳng có phần, gọi là Phật tử nhưng thật là ngoại đạo. Cho nên nói Vô gián ngoại đạo tuy muốn ra khỏi ba cõi, mà không thể vượt qua nên nói chẳng ra khỏi mà tưởng ra khỏi. Cũng khuyên khiến người học nên chuyển ác kiến kia, mà hướng về chủng tánh Như lai.

35. Nói về Duyên giác và Độc giác:

Này Đại Tuệ! Duyên giác thừa Vô gián chủng tánh, nếu nghe nói các biệt duyên Vô gián, khắp mình nổi ốc rơi lệ đầm dề, duyên chẳng gần nhau, tất cả chẳng chấp các thứ tự thân, các thứ thần thông, hoặc ly hoặc hợp các thứ biến hóa, khi nghe lời nói tâm họ liền nhập. Nếu biết họ là Duyên giác thừa Vô gián chủng tánh rồi, thì thuận theo nói cho

họ nghe về Duyên giác thừa: Ấy gọi là tướng Duyên giác thừa Vô gián chủng tánh. Duyên giác, là từ Phật mà lãnh thọ giáo pháp, quán mười hai nhân duyên, quán lý chân đế, gọi là Duyên giác, cũng gọi là Độc giác; nghĩa ra đời không gặp Phật, thấy duyên tự ngộ. Các biệt Duyên Vô gián: Nghe nói mười hai nhân duyên nhân quả xoay vần mà ngộ vô sinh, thích ứng với sở nguyện kia, thương cảm chứa nhóm đến nơi lệ dầm dề. Nói không gần gũi nhau, nghĩa là ưa một mình nơi chỗ vắng lặng, tu hạnh xa lìa đối với tất cả các tướng đều không nên chấp. Hoặc có khi nói cho nghe thân hiện thân thông biến hóa, hoặc chia một thân thành nhiều thân, hoặc hợp nhiều thân thành một thân. Nghe nói như vậy khiến tâm có chỗ nhập. Bồ-tát biết kia là Duyên giác thừa Vô gián chủng tánh, nên nói pháp Duyên giác thừa này cho họ nghe.

36. Nói về Như lai thừa:

Này “Đại Tuệ! Như lai thừa Vô gián chủng tánh có bốn thứ: 1. Tự tánh pháp Vô gián chủng tánh. 2. Ly tự tánh pháp Vô gián chủng tánh. 3. Đắc tự giác Thánh Vô gián chủng tánh. 4. Ngoại sát thù thắng Vô gián chủng tánh. Này Đại Tuệ! Nếu người nghe bốn việc này, khi nói mỗi thứ và khi nói tự tâm hiện thân tài kiến tập cảnh giới bất tư nghị, thì tâm không kinh sợ. Ấy gọi là Như lai thừa Vô gián chủng tánh tướng”. Như lai chủng tánh Vô gián: Tánh ấy viên dung vô ngại. Nói bốn thứ: 1. Tự tánh pháp, tức Như lai tạng, tự tánh thanh tịnh tâm. 2. lìa tự tánh pháp, nghĩa là tánh này lìa tánh chấp. 3. Đắc tự giác Thánh, tức Như lai cứu cánh giác trí. 4. Ngoại sát thù thắng, nghĩa là bi nguyện của Như lai trang nghiêm cõi nước, nhiếp hóa chúng sinh, các thứ tốt đẹp. Kinh Lăng-già chép: Pháp sở chứng có ba thứ: hợp tự tánh pháp, lìa tự tánh pháp thành một. Ba thứ này tức là ba thân: pháp thân, báo thân, ứng thân. Và nói tự tâm hiện thân tài... Kinh Nhập Lăng-già chép: Nghe tự tâm hiện thân tài lập ra thức A-lại-da cảnh bất tư nghị, không kinh không sợ không hãi. Phải biết đây là tánh Như lai thừa.

37. Nói về chủng tánh bất định:

Này “Đại Tuệ! Chủng tánh Bất định nghĩa là khi nói ba tánh kia, tùy nghe nói bất cứ tánh nào mà vào, thì tùy đó mà thành. Này Đại Tuệ! Đây là sơ trị địa, là chủng tánh lập ra, vì siêu nhập vào địa vô sở hữu tạo tác lập ra. Kia tự giác tạng, thói quen phiền não, của mình thanh tịnh thấy pháp vô ngã, được Tam-muội, ưa trụ Thanh văn, sẽ được thân Tối thắng Như lai”. Bất định chủng tánh, khi nghe nói ba pháp Thanh văn, Duyên giác, Như lai thì liền sinh tin hiểu mà thuận theo tu học từ Tiểu thừa vào Đại thừa, tánh kia có thể dời đổi cho nên nói bất định. Trị địa

thứ nhất, tức là người chứng Càn tuệ địa, địa này là địa thứ bảy trong mười địa. Tạo tác lập ra, là nói lời như thế. Kia là tự giác tạng v.v... Kinh Nhập Lăng-già chép: kia trụ trong Tam-muội, ưa thích Thanh văn, nếu chứng biết từ thức nương tựa, thấy pháp vô ngã, trừ sạch thói quen phiền não, cuối cùng sẽ được chứng thân Như lai. Từ thức nương tựa tức thức thứ tám khi tự giác. Thói quen phiền não tức là vô minh.

38. *Nói về bốn quả Thanh văn:*

Khi ấy, Đức Thế tôn: muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Quả Tu-đà-bàn-na
Vãng lai và bất hoàn.
Đợi chứng A-la-hán
Đó thấy tâm hoặc loạn”*

Tu-đà-bàn-na tức Tu-đà-hoàn, Hán dịch là Dự lưu, có khả năng dứt bỏ kiến hoặc trong ba cõi dự vào dòng Thánh, đây là Sơ quả. Vãng lai: Tiếng Phạm Tu-đà-hàm, có khả năng dứt bỏ sáu phẩm tư hoặc trước trong cõi Dục, ba phẩm sau chưa dứt, còn phải qua lại trong cõi trời, người một lần nữa, đây là quả thứ hai. Bất hoàn, Tiếng Phạm A-na-hàm, dứt hết tư hoặc trong cõi Dục, không còn thọ sinh lại trong cõi Dục, đây là quả thứ ba. A-la-hán là quả thứ tư. Người chứng quả thứ tư này tuy dứt bỏ kiến hoặc, tư hoặc chứng được Tiểu quả nhưng chưa thể dứt bỏ trần sa hoặc và vô minh hoặc, đó gọi là hoặc loạn:

39. *Nói về các loại thừa:*

*“Ba thừa và Nhất thừa,
Phi thừa ta đã nói
Kẻ ngu ít trí tuệ
Các bậc Thánh xa lìa tịch”.*

Tam thừa: là ba chủng tánh Thanh văn, Duyên giác và Bất định, Nhất thừa chủng tánh Như lai, chẳng phải thừa mỗi mỗi khác nhau chủng tánh. Ý Như lai chỉ nói Nhất thừa, vì chúng sinh căn khí khác nhau nên khi nói ba thừa chẳng phải thừa, dẫn quyền về thật. Các bậc Thánh xa lìa vắng lặng, là ưa vào nơi vắng lặng của bậc Thánh chứng quả thứ tư.

40. *Như lai trụ trong lý vắng lặng, không có lập thừa:*

*“Pháp môn Đệ nhất nghĩa,
Xa lìa cả hai giáo,
Trụ nơi Vô sở hữu,
Sao dựng lập ba thừa”*

Pháp môn Đệ nhất nghĩa là lý vắng lặng, đâu có quyền thật khác

nhau. Như lai trụ trong lý vắng lặng này không lập một pháp, huống chi là ba thừa.

*“Các thiền vô lượng thấy,
Tam-ma-đề Vô Sắc
Thọ, tưởng đều vắng lặng,
Cũng chẳng có tâm lượng”.*

Các thiền: tức Tứ thiền, Vô lượng là bốn tâm vô lượng. Vô Sắc là bốn định Vô Sắc. Tam-ma-đề: Nghĩa là Đăng trì, tức Tam-muội. Thọ tưởng vắng lặng, là định diệt tận của Tiểu thừa. Các pháp này tâm lượng đều dứt.

41. Nói về Nhất-xiển-đề:

Này “Đại Tuệ! Nhất-xiển-đề kia chẳng phải Nhất-xiển-đề, thế gian giải thoát ai chuyển? Này Đại Tuệ! Nhất-xiển-đề có hai thứ: Bỏ tất cả gốc lành và đối với chúng sinh vô thỉ phát nguyện. Thế nào bỏ tất cả gốc lành? Nghĩa là chê bai Bồ-tát tạng và nói lời ác: “Đây không phải nói thuận theo kinh điển giải thoát”. Vì bỏ tất cả gốc lành nên không được vào Niết-bàn. Nhất-xiển-đề là tiếng Phạm, Hán dịch là “tín bất cụ”, cũng dịch là Cực ác. Phi Nhất-xiển-đề, không chắc chắn là cực ác, nếu chắc chắn là cực ác, thì mãi mãi không chuyển ác thành thiện được giải thoát. Nhưng xiển-đề hiện hành tuy là tánh ác nhưng không dứt mất gốc lành, nếu chiếu soi tánh cũng sẽ thành Phật. Cho nên lại bảo rằng xiển-đề có hai thứ:

1. Xả tất cả gốc lành, người này thật cực ác. Và đối với chúng sinh vô thỉ phát nguyện, đây là Bồ-tát xiển-đề. Vì sao bỏ tất cả điều lành? Trích dẫn giải thích nghĩa cực ác, chê bai Bồ-tát tạng và nói lời ác, đây là người pháp đều chê bai, đâu chịu thuận theo kinh luật là pháp giải thoát mà nhập Niết-bàn, cái gọi là xiển-đề là người không tu, điều lành đã hết.

2. Bồ-tát vốn tự nguyện phương tiện, chẳng phải không nhập Niết-bàn, vì tất cả chúng sinh mà vào Niết-bàn. Này Đại Tuệ! Kia vào Niết-bàn, đó gọi là chẳng nhập pháp tướng Niết-bàn. Đây cũng đến cõi Nhất-xiển-đề”. Ý nói Bồ-tát Đại thừa do bốn nguyện phương tiện muốn cho tất cả chúng sinh nhập vào Niết-bàn, rồi sau mới Niết-bàn. Nói không vào pháp tướng Niết-bàn, là Bồ-tát hiểu rõ sinh tử tức Niết-bàn. Niết-bàn vốn đầy đủ chẳng phải có Niết-bàn riêng để nhập vào, nghĩa là hành giả thanh tịnh không vào Niết-bàn. Nói cũng đến cõi Nhất-xiển-đề, vì Bồ-tát biết rõ ác tức là lành, không có điều lành để tu, thú hưởng, đồng với Nhất-xiển-đề bỏ tất cả điều lành và không vào

Niết-bàn.

42. Lý do Bồ-tát xiển-đề không vào Niết-bàn:

“Đại Tuệ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn: Trong đây vì sao rốt ráo chẳng vào Niết-bàn. Phật bảo Đại Tuệ: Bồ-tát Nhất-xiển-đề, biết tất cả pháp xưa nay đã vào Niết-bàn, rốt ráo không vào Niết-bàn, mà chẳng phải như Nhất-xiển-đề bỏ tất cả gốc lành. Nay Đại Tuệ! Nhất-xiển-đề bỏ tất cả gốc lành, lại nhờ thần lực Như lai, hoặc có khi gốc lành sinh. Vì sao? Vì Như lai chẳng bỏ tất cả chúng sinh, do đó Bồ-tát Nhất-xiển-đề không nhập Niết-bàn“. Đây là nêu bày giải thích lý do Bồ-tát Xiển-đề không vào Niết-bàn. Nói xưa nay vào Niết-bàn v.v... Kinh dạy: Tất cả chúng sinh tức là tướng Niết-bàn, không thể còn diệt nữa. Nhưng Bồ-tát chẳng phải không bao giờ vào Niết-bàn, vì hiểu rõ tu tức tánh, là tướng Niết-bàn. Hoặc có khi gốc lành sinh... vẫn nói rõ có thể thấy.

43. Phân biệt tự tánh:

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Đại Bồ-tát phải khéo biết về ba tự tánh, ba tự tánh ấy là gì? Đó là là vọng tưởng tự tánh, duyên khởi tự tánh và thành tự Thánh“. Phân biệt tự tánh là điểm quan trọng của kinh này, trước đã nói lược, nay lại nói kỹ.

44. Nói về danh tướng chấp đắm và sự tướng chấp đắm:

Nay “Đại Tuệ! tự tánh vọng tưởng từ tướng sinh. Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Thế nào là tự tánh vọng tưởng từ tướng sinh? Phật bảo Nay Đại Tuệ! Tự tánh duyên khởi tự tướng tương hành, tướng hiển hiện sự tướng, chấp đắm có hai thứ tự tánh vọng tưởng. Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác lập ra: Nghĩa là danh tướng chấp đắm tướng và sự tướng chấp đắm tướng. Danh tướng chấp đắm tướng là nói chấp đắm các pháp trong ngoài. Sự tướng chấp đắm tướng là kia chấp đắm tự tướng, cộng tướng trong ngoài như vậy. Ấy gọi là hai thứ tướng vọng tưởng tự tánh. Hoặc y hoặc duyên sinh, đó là duyên khởi“. Nói tự tánh vọng tưởng từ tướng sinh, chính là từ tướng duyên khởi sinh ra. Duyên khởi là sự tướng từ nhân duyên khởi, sự tướng hiển hiện mà sinh hai thứ chấp đắm. Nói tướng tướng, là sự tướng chẳng phải một. Như lai lập ra, tức Như lai vì chúng sinh giảng nói tự tánh vọng tưởng để cho họ biết vọng, không vọng. Danh tướng chấp đắm tướng, nghĩa là các pháp căn trần trong ngoài, chấp đắm danh tướng. Sự tướng chấp đắm tướng, tức đối với pháp căn trần kia không rõ tánh không mà chấp đắm tự tướng, cộng tướng. Hoặc y hoặc duyên sinh, chính là nói duyên khởi tự tánh. Y tức là nhân, nghĩa là các pháp từ nhân duyên mà sinh. Nhân duyên

có căn trần nhân duyên, có nghiệp hoặc nhân duyên, có nghiệp hoặc nhân duyên mà nghiệp lại từ căn trần sanh khởi. Tất cả các pháp thế gian xuất thế gian chẳng có pháp nào không từ nhân duyên sinh. Ngoài Long Thọ nói: Pháp do nhân duyên sinh.

45. Nói về thành tự tánh:

Thế nào là thành tự tánh? Nghĩa là lia vọng tưởng về danh tướng và sự tướng. Thánh trí sở đắc và tự giác Thánh trí thú hưởng cảnh giới sở hành. Đó gọi là thành tự tánh Như lai tạng tâm. Thành là thành tựu. Nói lia vọng tưởng danh tướng, sự tướng, nghĩa là các Đức Phật, bậc Thánh, quán pháp do nhân duyên sinh tức quán không, quán giả và quán trung. Trí: tự giác Thánh trí tức như như. Hợp hai pháp này thành một tự tánh. Ấy gọi là Như lai tạng tâm.

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Danh, tướng, giác, tướng,
Tự tướng tánh tướng,
Chánh trí, như như
Ấy là thành tướng”.*

Danh tướng tức duyên khởi tự tánh. Giác tướng tức vọng tưởng tự tánh. Chánh trí như như thì thành tự tánh. Đây là nhiếp năm pháp làm ba tự tánh, cho nên biết năm pháp ba tự tánh, đặc biệt khai hợp khác!

46. kết thúc khuyên tu:

Này “Đại Tuệ! Ấy gọi là Kinh Quán Sát Ngũ Pháp Tự Tánh Tướng, tự giác Thánh trí đến cảnh giới sở hành. Đại Bồ-tát các ông phải nên tu học”. Một là kinh nói tuy có cả năm pháp ba tự tánh nhưng khuyên tu những điều quan trọng, chính là tự giác Thánh trí, ở đây kết thúc khuyên tu.

47. Nói về người vô ngã:

“Lại nữa Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát phải khéo quán hai tướng vô ngã. Thế nào là hai tướng vô ngã? Là người vô ngã và pháp vô ngã. Thế nào là người vô ngã? Là lia ngã, ngã sở, ấm giới nhập nhóm hợp vô tri nghiệp ái sinh, nhãn sắc v.v... nhiếp thọ chấp đắm sinh thức, tất cả các căn tự tâm hiện. Căn thân, khí giới là tướng tự vọng tưởng của tầng thức hiển bày lập ra”. Nói khéo quán sát tướng người pháp vô ngã, nghĩa là dùng hai thứ không quán sát nhiệm mầu, phá hai chấp sinh pháp. Các kinh khác thì gọi là sinh không pháp, đây nói là người vô ngã, pháp vô ngã. Vô là không, người là giả danh của chúng sinh, pháp là năm ấm thật pháp. Phạm phu đối với điều này giả thật ngã kiến nghiêng nặng, cho nên dùng vô ngã để phá. Nếu đạt được vô ngã thì tất cả lia chấp,

hiển bày bản tánh người nhiệm mầu, pháp nhiệm mầu. Trong người vô ngã nói lia ngã, ngã sở, ngã tức là giả danh, ngã sở là thật pháp. Vì giả không tự giả, nương thật pháp mà có giả danh. Nếu suy tìm giả phải bao gồm thật, cho nên nói nhóm ấm giới nhập. Vô tri tức phiền não, nghĩa là thật pháp từ phiền não nghiệp ái mà sinh. Nhân sắc v.v... là các thức như mắt, v.v... chấp lấy các trần như sắc, v.v... Căn thân, khí giới tạng, khí là y báo, nghĩa là thế giới như khí, thân là chánh báo, tạng là tạng thức. Kinh Nhập Lăng-già chép: Lại nữa, thân khí, thế gian mà tự tâm thấy đều do tạng tâm hiển hiện, các pháp này cầu vọng chấp đều không thật có. Đó gọi là người vô ngã.

b. “Như dòng sông, như hạt giống, như đèn, như gió, như mây, sát-na lần lượt hoại, thô động như khỉ vượn, ưa chỗ bất tịnh như ruồi lẩn, không nhàm chán như gió thổi lửa. Do thói quen luống dối từ vô thủy như bánh xe đạp nước, sinh tử trôi lăn trong các cõi, làm các thứ thân sắc. Như ảo thuật, thần chú, máy động hình đi. Khéo biết tướng kia, đó gọi là trí người vô ngã“. Năm ví dụ như ví dụ dòng sông... tướng hoại trong từng sát-na. Ba thứ thô động là tướng thức luống dối, cho nên dụ như ruồi lẩn, khỉ vượn, gió lửa để ví dụ, nhưng đều do thói quen luống dối từ vô thủy rơi vào sinh tử trôi lăn trong ba đường, cho nên ví dụ như đạp nước. Các thứ thân sắc... là dụ cho thân huyễn. Như ảo thuật giúp cho máy động, thần chú giúp cho thân đi. Kinh Nhập Lăng-già chép: Thí như thấy người chết, nhờ năng lực chú thuật cho nên đi được. Cũng như người gỗ nhờ máy mà vận động. Khéo biết tướng kia, tức khéo biết các tướng như trên thí dụ. Đây là trí mầu quán người vô ngã.

48. *Nói về pháp vô ngã:*

“Thế nào là trí pháp vô ngã? Nghĩa là biết rõ ấm, giới, nhập, tướng vọng tướng tự tánh. Như ấm giới nhập lia ngã, ngã sở. Ấm giới nhập chứa nhóm nhân nghiệp ái ràng buộc, xoay vần duyên nhau, sinh không dao động, các pháp cũng giống như vậy, lia tự tướng, cộng tướng vọng tướng không thật, năng lực vô tướng lẫn nhau. Đây là phạm phu sinh, chẳng phải Thánh hiền. Tâm ý thức, năm pháp, ba tự tánh lia”. Pháp vô ngã trí từ thật pháp chỉ bày thẳng, nghĩa là giác biết tướng ấm giới nhập là tánh vọng tướng. Như ấm giới nhập v.v... chẳng hạn như tiền người vô ngã, quán lia ngã, ngã sở, chỉ do ấm giới nhập chứa nhóm, nghiệp ái trói buộc, làm duyên khởi lẫn nhau thấy tự tánh kia rõ ràng không thật có: cho nên nói không lay động, dao động tức là tạo tác. Kinh Nhập Lăng-già chép: không có người năng tác, đã không năng tác thì đâu thể sở tác các pháp được, cho nên nói lia tự tướng, cộng

tướng, nhưng tướng luống dối này là vọng tướng phân biệt của phàm phu, chẳng phải của các bậc Thánh hiền. Đã rõ pháp pháp vốn không, đâu còn có vọng tướng, cho nên nói tự tánh lìa. Xa lìa mà chẳng phải xa lìa tức thấu đạt tánh kia mất đi.

49. *Kết thúc khuyến khích lợi ích:*

Này “Đại Tuệ! Đại Bồ-tát phải khéo phân biệt tất cả pháp vô ngã, pháp lành là vô ngã, Đại Bồ-tát không bao lâu sẽ được Địa thứ nhất. Bồ-tát vô sở hữu quán tướng đất, quán sát khai giác vui mừng, thứ lớp tiến lên vượt đến Cửu địa. Nơi đó dựng lập vô lượng bảo trang nghiêm, hoa sen báu lớn, voi đầu đàn, cung điện báu lớn, cảnh giới tự tánh huyền do tu tập sinh. Ngồi nơi kia mà đồng một loại với các vị Tối Thắng tử quyến thuộc vây quanh. Từ tất cả cõi Phật đến, Phật dùng tay làm phép quán đánh như Thái tử con vua chuyển luân làm phép quán đánh, vượt địa vị Phật tử, đến Tự giác Thánh trí pháp thú, sẽ được pháp thân tự tại của Như lai, vì thấy pháp vô ngã, đó gọi là tướng pháp vô ngã, Đại Bồ-tát các ông phải nên tu học”. Trong văn này kết thúc khuyến khích lợi ích. Nói sẽ được Địa thứ nhất, là Hoan hỷ địa. Vô sở hữu v.v... Nghĩa là Bồ-tát dùng quán mẫu Trung đạo, biết rõ tướng các địa không bị chướng ngại. Vì quán sát như vậy nên mở mà sinh vui mừng, hoặc siêu hoặc tiêm, đến Pháp Vân địa, trụ ở địa này rồi, có vô lượng cảnh giới các báu trang nghiêm hiện ra trước mặt. Tự Tánh huyền: do tu tập pháp môn huyền tánh nên chiêu cảm quả báo như vậy. Đồng một tướng loại v.v... nghĩa là hàng Bồ-tát pháp thân đều đến vây quanh, các Đức Phật cũng đến dùng tay làm lễ quán đánh, như văn dưới rất dễ thấy.

50. *Làm sao lìa được hai chấp này?*

“Khi ấy, Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Tướng dựng lập chê bai, cúi mong Thế tôn nói giúp con và các Đại Bồ-tát lìa ác kiến hai bên dựng lập và chê bai, chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác: Đã lìa thường lập ra, dứt kiến chấp chê bai, không chê bai chánh pháp”. Trong thế giới chân như còn không thể nói có được, chẳng có thuyết, có danh là lập ra chấp thường. Chẳng phải vô thuyết vô danh là chê bai chấp đoạn. Này Đại Tuệ! Lập ra đây để hỏi: làm sao lìa hai kiến này để được Bồ-đề, không chê bai chánh pháp.

51. *Dựng lập và chê bai đều do tâm lượng:*

“Khi ấy, Đức Thế tôn nhận lời thỉnh của Bồ-tát Đại Tuệ mà nói kệ rằng:

*Dựng lập và chê bai,
Không có tâm lượng kia*

*Thân thọ dụng dựng lập
Và tâm không thể biết
Ngu si không trí tuệ
Dựng lập và chê bai”*

Ở đây nói dựng lập và chê bai đều do tâm lượng, nhưng tâm lượng thật tìm không thật có, Như lai chỉ thẳng như thế, giúp cho hàng phàm phu mê mờ kia biết rõ vốn không có lìa các tà kiến. Nói thân thọ dụng lập ra, thân là sắc thân chánh báo, thọ dụng là tư tài y báo. Do ngu si vô trí không biết đó là tự tâm vọng hiện nên rơi vào hai kiến.

52. Bác bỏ dựng lập và chê bai:

“Đức Thế tôn nói nghĩa kệ này rồi, muốn lập lại cho rõ ràng nên bảo Đại Tuệ: Có bốn thứ chẳng thật có mà có dựng lập. Bốn thứ ấy là: chẳng có tướng dựng lập, chẳng có kiến dựng lập, chẳng có nhân dựng lập và chẳng có tánh dựng lập, đó gọi là bốn thứ dựng lập. Lại chê bai, là đối với sở lập kia không có sở đắc, quán sát chẳng có phần, liền khởi chê bai. Ấy gọi là tướng dựng lập chê bai”. Trên nói dựng lập chê bai là tà kiến đoạn thường, mà chưa nói rõ danh nghĩa cho nên nêu danh kia rồi sau giải thích nghĩa. Danh tướng tất nhiên là nhiều, kia tóm lược có bốn: Tướng, kiến, nhân, tánh. Điều nói chẳng phải có lập ra, nghĩa là vốn không có kiến mà dựng lập kiến, tướng chê bai không từ nơi khác khởi, đối với việc dựng lập pháp mong cầu không thật có, do khởi không tướng, cho nên nói đối với sở lập kia không có sở đắc. Nói quán sát không có phần. Kinh Nhập Lăng-già chép: Không khéo quán sát bởi không thể hiểu rõ chân không là bất không mà khởi lên kiến chấp chê bai.

53. Giải thích tướng dựng lập ban đầu:

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Vì sao chẳng có tướng mà dựng lập tướng? Nghĩa là ấm, giới nhập chẳng có tự tướng, cộng tướng mà khởi chấp chặt, đây như vậy, đây chẳng khác. Đó gọi là chẳng có tướng dựng lập tướng, đây chẳng có tướng dựng lập, là do lỗi vọng tướng luống dối từ vô thỉ, các thứ thói quen chấp chặt mà sinh”. Đây là giải thích tướng dựng lập ban đầu. Nói chẳng có tướng dựng lập: Nghĩa là đối với ấm giới nhập, tự tướng, cộng tướng vốn không thật có mà sinh chấp chặt. Nói đây như vậy, đây không khác: Như vậy là tự tướng, không khác là cộng tướng. Nhưng đây chẳng có tướng lập ra tướng, chẳng phải mới đời này, cho nên nói vọng tướng luống dối từ vô thỉ, các thứ thói quen chấp chặt mà sinh.

54. Chẳng có kiến dựng lập tướng:

Này “Đại Tuệ! Chẳng có kiến dựng lập tướng: là ấm giới nhập kia nhập vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, nuôi lớn, sĩ phu được dựng lập. Ấy gọi là chẳng có kiến dựng lập tướng”. Chẳng có kiến v.v... Kiến này cũng từ ngã sở sinh ra, nghĩa là đối với ấm giới nhập vọng khởi kiến chấp ngã, nhân, chúng sinh v.v... cho nên nói chẳng có kiến dựng lập.

55. Chẳng có chân dựng lập tướng:

Này “Đại Tuệ! Chẳng có chân dựng lập tướng, nghĩa là thức ban đầu vô nhân sinh, sau bất thật như huyễn, vốn bất sinh, nhãn, sắc, minh, giới, niệm, trước sinh, sinh rồi thật có rồi lại hoại. Ấy gọi là chẳng có nhân dựng lập tướng”. Nhân này dựng lập thức ban đầu vô nhân sinh, nghĩa là thức niệm đầu tiên vô nhân mà sinh, sau khi sinh bất thật như huyễn, đã như huyễn thì đâu có sinh! Nhãn, sắc, minh, giới... là nói thức đầu tiên vốn không, sau do bốn duyên như mắt v.v... một niệm trước sinh. Sinh đã thật có, rồi lại hoại. Đó là sinh diệt cho nêu đều phi.

56. Chẳng có tánh dựng lập tướng:

Này “Đại Tuệ! Chẳng có tánh dựng lập tướng, nghĩa là hư không diệt, bát Niết-bàn, chẳng phải tạo tác, chấp đấm tánh dựng lập. Đây là lia tánh, chẳng phải tánh. Tất cả pháp như sừng thỏ, sừng ngựa v.v... như tóc rừ hiện, lia có chẳng phải có. Ấy gọi là chẳng có tánh dựng lập tướng”. Trong tánh dựng lập, nói hư không diệt, nhập Niết-bàn, tức ba thứ vô vi. Hư không là hư không, vô vi diệt là phi trạch diệt, vô vi bát Niết-bàn gọi là trạch diệt vô vi. Ba vô vi này đều không có tánh tạo tác. Nhưng tà kiến chấp chặt là hữu, nói lia tánh, chẳng phải tánh: nghĩa là tất cả các pháp xưa nay chẳng có chẳng không, như sừng thỏ, sừng ngựa, v.v... là ví dụ chẳng phải có, như tóc rừ do mắt bị nhậm mà sinh, ấy là ví dụ chẳng phải vô.

57. Tổng kết bác bỏ:

“Dựng lập và chê bai là kẻ ngu vọng tưởng, không khéo quán sát tự tâm hiện lượng, chẳng phải Thánh hiền. Cho nên lia ác kiến dựng lập chê bai, phải nên tu học”. Đây là tổng kết bác bỏ, do kẻ ngu không khéo quán sát tự tâm hiện lượng chẳng phải có chẳng phải không, mà vọng chấp có không, thật chẳng phải Thánh hiền. Cho nên khuyên Bồ-tát lia hai thứ chấp này, phải nên tu học.

58. Bồ-tát khéo biết sẽ đạt đến địa vị rốt ráo:

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát khéo biết tướng tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai vô ngã, tiến đến rốt ráo. Vì an lập chúng sinh nên hiện các thứ hình tượng, như chỗ tự tánh vọng tưởng nương vào duyên mà khởi. Thí như các sắc hiện trong hạt châu như ý, hiện khắp

tất cả cõi nước các Đức Phật, tất cả Như lai và có đại chúng nhóm họp trong đó thấy đều nghe nhận Phật pháp. Đó là các pháp như huyễn, như mộng, như ánh chớp, như hình ảnh trong gương, trăng đáy nước, đối với tất cả pháp lìa sinh diệt, đoạn thường, và lìa pháp Thanh văn, Duyên giác”. Đây là nói Bồ-tát khéo biết tướng tâm, ý, ý thức năm pháp, ba tự tánh, hai vô ngã, sẽ đạt đến địa vị rốt ráo, pháp tự hành đã thành, sẽ hóa độ chúng sinh, tùy loại hiện thân. Cho nên nói hiện các thứ thân. Nói luống dối tướng... hưởng chi Bồ-tát tùy căn cơ lập ra giáo hóa, cũng như phàm phu vọng tưởng từ duyên mà khởi. Lại nói thí như các màu sắc... dụ cho Bồ-tát dùng một thân, tất cả thân hiện khắp tất cả cõi nước của các Đức Phật và các Đại Bồ-tát nghe thọ Như lai nói pháp. Pháp mà vị ấy nói như huyễn, như mộng, như hình ảnh trong gương, như trăng đáy nước, xa lìa sinh diệt và đoạn thường, không trụ trong giai vị Nhị thừa.

59. Lìa Nhị thừa được Tam-muội:

“Được trăm ngàn Tam-muội, cho đến trăm ngàn ức na-do-tha Tam-muội. Được Tam-muội rồi, sẽ đến cõi nước các Đức Phật, cúng dường các Đức Phật, sinh lên các tầng trời để truyền bá Tam bảo, thị hiện thân Phật, có Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đại chúng vây quanh, dùng tự tâm hiện lượng độ thoát chúng sinh, phân biệt giảng nói ngoại tánh là vô tánh, giúp họ xa lìa kiến chấp có không”. Đã lìa địa vị Nhị thừa thì được vô lượng Tam-muội của các Đức Phật, cho đến thị hiện thân Phật. Nói tự tâm hiện v.v... Kinh Nhập Lăng-già chép: Vì các chúng sinh nói cảnh giới bên ngoài đều do tâm hiện, giúp họ xa lìa kiến chấp có không.

60. Lìa hạnh sở tác:

“Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Tâm lượng thế gian

Phật tử quán sát

Các thứ thân hình

Lìa hành sở tác

Được sức thần thông

Thành tựu tự tại”

Nói tâm lượng thế gian, nghĩa là Bồ-tát dùng tự tâm hiện lượng. Quán sát chúng sinh thế gian tùy căn cơ ứng hiện khắp, nhưng đều vượt ra ngoài lòng từ vô duyên cho nên lìa hành sở tác, cũng do được năng lực Tam-muội như huyễn cho nên thành tựu.

61. Nói theo tánh tướng:

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại thưa hỏi Phật: Cúi mong Đức Thế tôn

vì chúng con nói tất cả pháp không, vô sinh, không hai, lìa tướng tự tánh. Chúng con và chúng Bồ-tát khác, giác ngộ pháp không, vô sinh, không hai, lìa tướng tự tánh rồi, sẽ lìa vọng tưởng có không, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi ấy, Đức Thế tôn bảo Bồ-tát Đại Tuệ! Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, nay ta sẽ nói rộng cho ông nghe. Đại Tuệ tất cả pháp sở sinh, không tự sinh tánh, gọi tự tánh Không. Trước đã nói không tánh, ở đây lại nói tánh không, trước là xét nhập vào không, cho nên tánh tướng đều là tướng, y theo tu. Ở đây thì vốn tự hai không, cho nên tánh tướng đều là tánh, y theo tánh.

62. Nói về hành không:

“Thế nào là hành không? Nghĩa là ấm lìa ngã và ngã sở. Nhân sở thành nên chỗ tạo nghiệp phước thiện sinh, đó gọi là hành không”. Hành không nói ấm lìa chấp. Từ ấm thành ngã, từ ngã khởi hành. Nhân sở là nhân ngã sở, nghĩa là nhân ngã sở khởi nghiệp, phước thiện hòa hợp mà sinh vọng chấp, thuận tánh tìm cầu đều không thật có, gọi là hành không.

Này “Đại Tuệ! Tức hành không như thế ấy xoay vần duyên khởi tự tánh vô tánh, đó gọi là vô hành không”. Vô hành không là không lìa sở tác hành trước, chính là rõ thấu được các ấm xoay vần duyên khởi không có tự tánh, là hành vô hành, đó gọi là vô hành không.

63. Tất cả pháp lìa lời nói không:

Thế nào là tất cả pháp lìa lời nói không? Nghĩa là vọng tưởng tự tánh không có lời nói, nên tất cả pháp lìa lời nói. Ấy gọi là tất cả pháp lìa lời nói không. Tất cả pháp lìa lời nói không, là tất cả pháp vọng chấp tự tánh, tự tánh là thật có, đâu có dung hòa lời nói, đó gọi là lìa lời nói không.

“Thế nào là tất cả pháp Đệ nhất nghĩa Thánh trí đại không? Nghĩa là người được tự giác Thánh trí thì tất cả lỗi thói quen kiến chấp không, đó gọi là tất cả pháp Đệ nhất nghĩa Thánh trí đại không”. Tự giác Thánh trí vốn chẳng phải không, mà năng không lỗi thói quen kiến chấp kia, sở đã không, năng không cũng không, tức là rốt ráo không.

64. Nói về chấp không của ngoại đạo:

“Thế nào là bỉ bỉ không? Nghĩa là đối với kia chẳng có cái không kia, đó gọi là bỉ bỉ không. Này Đại Tuệ! Thí như nhà Lộc tử mẫu không có voi ngựa, trâu dê... chẳng phải không có chúng Tỳ-kheo mà nói kia không. Chẳng phải nhà nhà tánh không, cũng chẳng phải chỗ khác không có voi ngựa. Đó gọi là tất cả pháp tự tướng. Kia đối với kia không có kia, đó gọi là bỉ bỉ không. Như trên gọi là bầy thú không. Bỉ bỉ không

là cái không rất thô, ông phải lia bỏ”. Bỏ bỏ không, chính là nói chấp không của ngoại đạo, đối với đây mà nói thì chỉ không ở kia mà chẳng không ở đây. Cho nên nói đối với kia không có cái không kia. Thí như Lộc Tử v.v... Lộc Tử là tên người, kia tên Tỳ-xá-khư Mầu Ưu-bà-di, tin sâu Tam bảo, xây dựng tịnh xá cho có Tỳ-kheo ở, trong tịnh xá đó không nuôi voi, ngựa... Nói nhà kia không, là chỉ nhà kia không có voi ngựa, chẳng phải nói chúng Tỳ-kheo cũng không. Chẳng phải nhà trở xuống là tổng kết bác bỏ ngoại đạo chấp không tà vạy, nghĩa là dù cho nhà kia không có Tỳ-kheo nhưng chẳng thể không có hai tánh kia, dù cho rằng chỗ ấy không có voi ngựa là không thì chỗ khác cũng chẳng phải không, cho nên năng sở kia đây rõ ràng sao lại không có. Ấy gọi là tất cả pháp trở xuống tổng kết bác bỏ, chữ bỏ ban đầu chỉ cho ngoại đạo, nhưng đối với kia không kia mà chẳng thể không đây. Lại nói rằng bỏ bỏ không trong bảy thứ không là cái không rất thô, đó là tà chấp của ngoại đạo, cho nên răn bảo người học phải xa lia.

65. Thế nào là vô minh chân thật:

Này “Đại Tuệ! Không tự sinh chẳng phải bất sinh, trừ người trụ Tam-muội, đó gọi là vô sinh”. Đây là giải thích câu hỏi vô sinh. Không tự sinh, nói đủ phải như Đại luận có bài kệ rằng: “Các pháp không tự sinh, không từ nơi khác sinh, chẳng cộng chẳng vô nhân. Cho nên nói bất sinh.” Chẳng phải bất sinh, nghĩa là chẳng phải hoàn toàn bất sinh, vì nói về lý thì vô sinh mà không chỗ nào bất sinh. Ngài Vĩnh gia cũng nói rằng: Nếu thật vô sinh, vô bất sinh. Trừ người trụ Tam-muội, là trừ đấng địa thứ nhất sơ trụ phá vô minh hiển hiện pháp tánh, gọi là vô sinh Chân thật.

66. Nói về lia tự tánh:

“Lìa tự tánh tức là vô sinh. Lìa tự tánh thì sát-na nối nhau trôi chảy và dị tánh, hiện tất cả tánh lìa tự tánh. Cho nên tất cả tánh lìa tự tánh”. Ở đây giải thích câu hỏi lìa tướng tự tướng, tức là vô sinh. Nói sát-na nối nhau trôi chảy chính là tâm, và dị tánh hiện, v.v... là pháp. Nghĩa là nếu tâm biến động thì có dị tánh hiện tất cả các pháp, nếu rõ tâm không thì các pháp tự tiêu mất, cho nên nói là lìa tự tánh.

67. Giải thích câu hỏi không hai:

“Thế nào là không hai? Nghĩa là tất cả pháp như lạnh nóng, dài ngắn, đen trắng. Này Đại Tuệ! Tất cả pháp không hai chẳng phải đây Niết-bàn kia sinh tử, chẳng phải đây sinh tử, kia Niết-bàn, vì khác tướng nhân mà có tánh, đó gọi là không hai. Như Niết-bàn, sinh tử tất cả pháp cũng giống như vậy. Cho nên không và vô sinh chẳng phải hai, lìa tướng

tự tánh, nên phải tu học”. Đây là giải thích câu hỏi không hai. Trước y theo sự để nêu hai tướng kia, tướng lạnh nóng, dài ngắn, trắng đen đối đãi rõ ràng không thể không phải hai. Lại nói tất cả pháp chẳng hai, là nói theo lý, vì lý là một, dung hợp với việc kia thì khác, cho nên tất cả pháp không hai. Nói chẳng phải đối với Niết-bàn v.v... sinh tử và Niết-bàn xưa nay bình đẳng, chẳng phải ngoài Niết-bàn có sinh tử riêng, chẳng phải ngoài sinh tử có Niết-bàn riêng, kia tức là ngoài. Nhưng hai thứ này không hai mà hai, hai mà không hai. Nếu không hiểu điều này mà nói có tướng khác, nhân khác thì mỗi thứ đều có tự tánh. Nói không hai là một, đã biết hai thứ này chẳng phải hai thì tất cả pháp đều giống như vậy. Cho nên nói đoạn dưới là tổng kết khuyến khích.

68. *Tổng kết nêu rõ sinh tử, Niết-bàn đều như huyễn mộng:*

“Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*Ta thường nói pháp không
Xa lìa đoạn và thường
Sinh tử như huyễn mộng
Mà nghiệp kia chẳng mất
Hư không và Niết-bàn
Diệt hai cũng như vậy
Người ngu sinh vọng tưởng
Các bậc Thánh lìa hữu vô”*

Phật dạy: Ta nói lý Trung đạo diệu không thì có không đều dứt, cho nên nói xa lìa đoạn thường, đây là tổng kết nêu rõ, sinh tử, Niết-bàn đều như huyễn mộng, kể nói sinh tử, Niết-bàn đều lìa đoạn thường, thì biết sinh tử như huyễn mộng cho nên không thường, nghiệp kia không mất cho nên không đoạn, hư không và Niết-bàn tức ba pháp vô vi, đều là Niết-bàn. Niết-bàn này cũng như huyễn cho nên chẳng phải thường, chẳng đồng với Tiểu thừa là diệt vô cho nên không đoạn diệt hai không hai, nghĩa là sinh tử Niết-bàn không hai, lìa đoạn thường cũng giống như vậy. Ngu vọng tưởng cho nên rơi vào đoạn thường, bậc Thánh đã lìa hữu vô thì không có hai pháp khác nhau.

69. *Tổng kết về các pháp không vô sanh:*

“Khi ấy, Đức Thế tôn lại bảo Bồ-tát Đại Tuệ rằng: Này Đại Tuệ! Không và vô sinh, không hai, lìa tướng tự tánh, vào trong tất cả kinh điển của các Đức Phật, tất cả các kinh đều nói nghĩa này, các kinh đều tùy tâm mong cầu của chúng sinh, nên giải thích cho nghe, nêu bày nghĩa kia, mà chẳng phải chân thật ở lời nói. Ví như nai khát nước nghĩ là mê loạn chạy tìm, nai đối với tướng kia chấp là tánh nước, nhưng kia

không phải nước. Như vậy các pháp nói trong tất cả kinh điển vì giúp cho người ngu phát tâm vui mừng, cho nên chẳng phải thật là Thánh trí ở tại lời nói, cho nên phải nương vào nghĩa, chớ chấp lời nói”. Đây là tổng kết về các pháp không vô sinh, chẳng phải chỉ có kinh này nói mà chính là ý chỉ giải thích của tất cả kinh giáo. Cảnh giới Thánh vốn không có lời nói, nhưng Như lai khéo léo phân biệt, vì muốn làm cho chúng sinh lìa chấp đắm, hiển bày tánh. Nếu hoặc chấp thì sai đối với lý, cho nên khuyên rằng chớ chấp lời nói, quý ở chỗ được ý quên lời, như dụ ngón tay chỉ mặt trăng, ở đây nên đạt được điều đó.

